TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 18-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Vy;
2. Ông Tô Đình Cam.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Huy - Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án hình sự Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Vừ Mí H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Vừ Mí S và bà Sùng Thị M; có vợ là Dinh Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/7/2021 theo Quyết định tạm giữ số 10/QĐTG của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vừ Mí S, trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Sùng Nỏ P; vắng mặt.

2. Lầu Thị M; vắng mặt.

3. Sùng Thị C; vắng mặt.

4. Thào Mí T; vắng mặt.

5. Lục Thị T; vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Hầu Thị Hà, địa chỉ: Thôn Lúp, xã Phương Độ, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Colvid 19, phía Trung Quốc thắt chặt quản lý đối với những công nhân lao động tự do trái phép. Đến khoảng 09 giờ, ngày 14/7/2021, Sùng Nỏ P, sinh năm 1983, cư trú tại: Thôn E, tỉnh Đắk Lắk, vào ứng dụng Wechat nhóm kết bạn với tài khoản Wechat "TUB HAWJ" của Vừ Mí H, P nhắn tin hỏi H có biết xe nào chở gia đình Pó gồm 5 người (4 người lớn, 1 cháu nhỏ) từ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc về Việt Nam không, H trả lời P là có xe đưa đến chợ Thèn Phùng, trấn Điền Bồng, huyện Phú Ninh, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, P nhắn tin nhờ H hỏi người lái xe bên Trung Quốc xem giá tiền thuê xe về Việt Nam là bao nhiêu. Sau đó, H nhắn tin qua mạng Wechat cho một người đàn ông Trung Quốc làm nghề lái xe (không rõ tên tuổi địa chỉ) H quen biết trước đó, khi đi làm thuê ở Trung Quốc, hỏi người đàn ông Trung Quốc có cách nào đưa được người từ Quảng Đông, Trung Quốc về Việt Nam không, giá tiền bao nhiêu, thì được người đàn ông Trung Quốc nhận lời và nói giá là 5.500 NDT (CNY)/ 1 người, không tính cháu nhỏ, và hứa trích lại cho H 100CNY/1 người. H đồng ý và thông báo cho P biết đã tìm được xe và giá tiền xe là 5.500CNY/1 người, P đồng ý và đề nghị H cho xe đến đón gia đình nhà P luôn. P gửi ảnh vị trí chỗ P ở qua điện thoại cho H, H tiếp tục gửi cho người lái xe chở người ở bên Trung Quốc đến đón gia đình P, khi đến đón có thêm Thào Mí T, sinh năm 2000, dân tộc Mông, nơi ĐKTT: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang ở cùng dãy trọ với P, do không có việc làm và không có tiền nên xin P cho về cùng, chi phí nhờ P chi trả trước, khi nào về đến Việt Nam T sẽ trả cho P sau. Do phát sinh thêm T, nên người lái xe Trung Quốc yêu cầu P phải trả thêm tiền của T là 6.500CNY, tổng cộng 5 người là 28.000 CNY, P đồng ý và lên xe ô tô đi về Việt Nam, quá trình di chuyển về Việt Nam, người lái xe liên tục đòi tiền công, nên P và H đã thanh toán cho người này 04 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Sùng Nỏ P trực tiếp đưa cho người lái xe chở người bên Trung Quốc 2000CNY tiền mặt;

Lần 2: P chuyển 10.000 CNY cho một người bạn của H ở bên Trung Quốc tên là "Yob" (H và Yob quen nhau từ năm 2019, khi H đi làm thuê ở Trung Quốc) để "Yob" chuyển cho người lái xe ở Trung Quốc theo yêu cầu của H;

Lần 3: P gọi cho Dương Văn C, năm sinh: 26/6/1982, cư trú tại thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nhờ chuyển tiền vào tài khoản của H 50.000.000 VNĐ *(năm mươi triệu đồng),* để H chuyển cho người lái xe ở Trung Quốc, nhưng hết giờ ngân hàng làm việc, nên không chuyển được, nhưng người lái xe ở Trung Quốc liên tục thúc giục chuyển tiền, P tiếp tục gọi điện cho Sính Mí S, cư trú tại thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Hà Giang (em vợ của P), vay 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)* và được S đồng ý và nói em chỉ có 46.000.000đ, sau đó P cho H số điện thoại của S để H liên lạc với S. Lúc này H gọi điện cho Lục Thị T, sinh ngày 10/02/1996, cư trú tại tổ 1, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (trước đây H đã đổi tiền với T nên có tài khoản Wechat của T, H không biết tên thật và cũng chưa từng gặp mặt), nhờ T đổi số tiền 46.000.000đ sang tiền Trung Quốc, để chuyển cho người lái xe bên Trung Quốc, nhưng T không đủ tiền đổi, nên T đã liên lạc với Trần Thị H, sinh ngày 08/8/1995, cư trú tại: Xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, nhờ H đổi 46.000.000 VNĐ *(Bốn mươi sáu triệu đồng)* sang tiền Trung Quốc (H gửi số tài khoản 19035447785012; 0351001222466 cho T, T gửi cho Vừ Mí H, rồi H tiếp tục chuyển cho Sính Mí S để S chuyển thẳng 46.000.000VNĐ vào tài khoản 0351001222466 của H). H đổi số tiền 46.000.000 VNĐ sang tiền Trung Quốc được 12.650CNY và chuyển số tiền này vào tài khoản của T, rồi T tiếp tục chuyển vào tài khoản Wechat của người lái xe ở Trung Quốc 11.500CNY theo yêu cầu của H, còn lại 1.100CNY, không thấy Vừ Mí H liên lạc lấy lại nên T đã đổi sang tiền Việt Nam được 4.100.000đ *(bốn triệu một trăm nghìn đồng),* sau khi làm việc với Cơ quan An ninh điều tra (ANĐT), biết số tiền 4.100.000đ do H vi phạm pháp luật mà có nên T đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan ANĐT.

Lần 4: Người dẫn đường thông báo cho Hờ là tiền công vẫn chưa đủ nên yêu cầu gửi thêm, H bảo P trả, nhưng P nói hết tiền nên vay H trước, H đồng ý rồi gọi cho một người bạn tên "Yob" ở Trung Quốc vay 5000CNY và bảo "Yob" chuyển cho người lái xe ở Trung Quốc (do trước đó Yob đã chuyển cho lái xe ở Trung Quốc một lần rồi).

Khi đến gần biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nhóm người của P xuống xe rồi tiếp tục thuê 01 người Trung Quốc (không rõ thông tin) đưa đi bộ sang Việt Nam với giá 300NDT/1 người, không tính cháu nhỏ, khi sang đến thôn S, xã T, huyện M, P gọi điện cho H lên đón và nhờ H mua đồ ăn, nước uống, H dặn P là mọi người cứ ở đó rồi H lên đón. Sau đó H rủ Hầu Mí V, trú tại: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đi cùng (H nói dối V là đi cùng lên xã T, huyện M, để lấy thuốc chữa bệnh cho bò), khi đến thị trấn Đ, H có dừng mua phở cho nhóm người của P, V hỏi "Mua phở cho ai" H trả lời "mua cho người đi Trung Quốc về", ngoài ra không trao đổi gì thêm, hai người tiếp tục đi đến thôn K, xã T, huyện M, do đường khó đi nên H đem xe máy đến gửi nhà chị Ly Thị S (có chồng tên S), rồi H điều khiển xe của V, đèo V đi lên thôn S, xã T, huyện M, đi qua một nương ngô thì thấy P vẫy tay, H dừng xe lại mang phở đi lên chỗ nhóm của P, còn V ở dưới đường đợi, một lúc sau H nhờ V đi mua 6 chai nước uống, V đi mua nước và mang lên cho H thì thấy có 06 người đi Trung Quốc làm thuê

về, nhưng V không trao đổi, nói chuyện với ai trong nhóm 6 người của P và cũng không biết do ai đưa nhóm của P vượt biên trái phép vào Việt Nam. Sau khi mọi người ăn uống xong, P trao đổi và nhờ H đưa 6 người về đến thị trấn Y, H nhận lời và nói giá 2.000.000đ/1 người x 5 người là 10. 000.000đ (không tính cháu nhỏ) P đồng ý. H nhờ V đi xe máy đưa 02 cháu nhỏ xuống nhà bà Lý Thị S (vợ ông S) ở thôn K, xã T gửi ở đó rồi V đi về nhà, còn H đưa 04 người đi bộ qua huyện Đ về huyện Y, trên đường đi thì H gọi điện cho Dương Văn C, trú tại thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu C gửi cho H 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng),* trong đó 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* là tiền P nhờ H vay trước đó để chuyển cho người lái xe ở Trung Quốc và 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* là tiền công H đưa nhóm người của P từ xã T, huyện M về thị trấn Y, C đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Liên Việt của H (vì trước đó P đã hỏi vay tiền của C và cho H số điện thoại của C để liên lạc trao đổi về việc chuyển tiền). Khi Vừ Mí H đưa 04 người nhập cảnh trái phép đi đến thôn T, xã T, huyện M, thì bị Đồn Biên phòng X phát hiện đưa về làm việc. Tại Đồn Biên phòng H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 20/CT-VKSHG-P1 ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vừ Mí H về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Vừ Mí H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép"; đồng thời bị cáo trình bày trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị bất kỳ ai đánh đập, hoặc dùng nhục hình; toàn bộ lời khai đều do bị cáo tự nguyện khai báo như diễn biến hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

Ông Vừ Mí S trình bày, số tiền 30.000.000 đồng ông nộp tại Cơ quan điều tra là nộp giúp bị cáo H là số tiền bị cáo H thu lợi bất chính, ông không có ý kiến gì về số tiền này; tuy nhiên chiếc xe máy hiện nay Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo H ông đề nghị trả lại cho gia đình ông làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên toà, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ, lời khai của bị cáo, tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng; luận tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vừ Mí H phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép".

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vừ Mí H từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.100.000đ *(bốn triệu một trăm nghìn đồng)* do Lục Thị T giao nộp; số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* do ông Vừ Mí S là bố đẻ bị cáo Vừ Mí H giao nộp; 01 điện thoại di động (màn hình cảm ứng) mặt trước có nhiều vết xước, vỏ mặt sau màu xanh có chữ VIVO.

Tuyên trả lại cho bị cáo Vừ Mí H: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 071838, tên chủ xe Vừ Mí H, biển kiểm soát: 23B1 - 635.64; 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, biển kiểm soát: 23B1-63564.

- Án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ Mí H.

Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí H gửi bản luận cứ với nội dung: Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Vừ Mí H về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép" theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; bị cáo H phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đó là thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính của bị cáo có được; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo Vừ Mí H dưới khung hình phạt.

Phần tranh luận: Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm; nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không nhất trí về mức hình phạt với lý do: Bị cáo đã nộp lại hết số tiền thu lợi bất chính; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo rất tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị quá nghiêm khắc.

Kiểm sát viên tranh luận: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép từ 5 người đến 10 người; bị cáo đã tổ chức cho 06 người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam; khi 06 người này vào đến biên giới của Việt Nam, vì lợi nhuận bị cáo tiếp tục đưa 06 người vào sâu nội địa đến thị trấn Y, huyện Y, để tạo điều kiện cho 06 người này đi đến tỉnh Đắk Lắk được thuận lợi, trong thời điểm cả nước đang chung tay phòng chống dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong việc kiểm soát đối với người nhập cảnh; do đó vẫn giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo, rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng, người bào chữa; sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo Vừ Mí H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các vật chứng liên quan đến vụ án, phù hợp với các kết luận giám định, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 14/7/2021, sau khi được Sùng Nỏ P, sinh năm 1983, cư trú tại: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vào ứng dụng Wechat nhóm kết bạn với tài khoản Wechat "TUB HAWJ" của Vừ Mí H, P hỏi H có biết xe nào chở gia đình P gồm 5 người (4 người lớn, 1 cháu nhỏ) từ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc về Việt Nam không, sau đó H liên hệ và tìm được người lái xe bên Trung Quốc đón và đưa nhóm của P gồm 6 người từ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc về đến biên giới Việt Nam với giá là 28.500CNY, (H được người lái xe bên Trung Quốc hứa trích lại cho 100CNY/1 người, nhưng H chưa được nhận số tiền này). Khi về đến Việt Nam thuộc thôn S, xã T, huyện M, Sùng Mí P gọi điện cho H lên đón và đưa nhóm 6 người của P về thị trấn Y với giá 2.000.000đ/người x 5 người là 10 triệu đồng, H đồng ý và rủ Hầu Mí V (em rể) đi cùng nhưng không nói cho V biết mục đích là đi đón người nhập cảnh trái phép mà nói dối đi lấy thuốc cho bò, V đồng ý rồi mỗi người điều khiển một xe máy đi đến thôn K, xã T, huyện M thì H vào nhà bà Sùng Thị L gửi xe của H ở đó và điều khiển xe máy đèo V đi lên nhóm của P, khi lên đến nơi H bảo V đèo hộ 2 cháu nhỏ về gửi nhà Vàng Thị L, còn H đưa 04 người đi bộ để đưa về thị trấn Y, trên đường đi thì bị Đồn Biên phòng X, huyện M phát hiện và yêu cầu về Đồn Biên phòng làm việc.

[4] Bị cáo Vừ Mí H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, song với động cơ mục đích vụ lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi tổ chức nhập cảnh trái phép cho 06 người từ Trung Quốc vào lãnh thổ Việt Nam. Hậu quả, 06 người đã được nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Hành vi của bị cáo Vừ Mí H là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về lĩnh vực nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Hành vi của bị cáo Vừ Mí H đã phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự, với tình tiết *"Đối với từ 05 người đến 10 người"* có khung hình phạt tù từ 5 năm đến 10 năm; tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo đã tác động gia đình giao nộp số tiền thu lợi bất chính và số tiền bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội là 30.000.000 đồng; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt: Xét thấy, sau khi bị cáo liên hệ được xe cho 06 người nhập cảnh về Việt Nam trái phép, bị cáo còn cho P vay tiền 5.000NDT, nhờ người chuyển tiền cho lái xe người Trung Quốc để P và những người khác có điều kiện về đến Biên giới Việt Nam; P tiếp tục thuê H đưa 06 người vào sâu nội địa với số tiền 10.000.000đ, vì vụ lợi H đã tiếp tục nhận lời và đưa 06 người đi sâu vào nội địa, trong thời điểm Việt Nam đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Covid-19; việc nhập cảnh người trái phép vào lãnh thổ Việt Nam không được kiểm soát, cách ly là một trong những nguyên nhân có thể làm lây lan dịch bệnh; việc bị cáo bị phát hiện là ngoài ý muốn của bị cáo; do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo, bảo đảm tính răn đe riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, tiền thu lợi bất chính và tiền bị cáo sử dụng làm phương tiên phạm tội, bị cáo đã nộp cho Cơ quan ANĐT, nghề nghiệp của bị không liên quan đến hành vi phạm tội; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[9] Trong vụ án này còn có Hầu Mí V là người cùng Vừ Mí H đi từ xã T, huyện Đ, đến xã T, huyện M, khi đi H không nói cho V biết là đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, mà nói dối V là *"đi lấy thuốc cho bò"* mục đích là để V đi cùng, khi đến thị trấn Đ thấy H dừng mua phở, V có hỏi *"mua cho ai"* thì được H cho biết là *"mua cho người đi Trung Quốc làm thuê về"*, ngoài ra không trao đổi gì thêm, khi đến địa điểm nhóm người của Sùng Nỏ P trốn, lúc này V mới biết H đi đón người đi Trung Quốc làm thuê về nhưng V không được trao đổi, nói chuyện với nhóm người này. Việc V nhận lời giúp H đưa 02 cháu nhỏ đến thôn K, xã T và gửi ở nhà bà Ly Thị S là do nể nang vì H là anh vợ của V nên nhận lời, sau khi gửi 02 cháu nhỏ lại nhà chị Ly Thị S thì V đi thẳng về nhà và không được hưởng lợi gì. Do vậy không đủ tài liệu, chứng cứ, chứng minh hành vi đồng phạm của V với Vừ Mí H, trong việc tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép nên không xem xét xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[10] Đối với người lái xe chở nhóm người ở Trung Quốc và người có tên là "Yob" bạn của H: Là các đối tượng Vừ Mí H câu kết, móc nối tổ chức cho 06 công

dân nhập cảnh vào Việt Nam trái phép để hưởng lợi vào các ngày 14,15/7/2021, nhưng do các đối tượng là người sinh sống ở Trung Quốc, nên Cơ quan ANĐT không đủ điều kiện để điều tra, xác minh, thu thập thông tin về nhân thân, lai lịch, cũng như thu thập tài liệu, chứng cứ, chứng minh vai trò trong vụ án này; do đó không có căn cứ để xem xét.

[11] Đối với Lục Thị T: Được H nhờ đổi số tiền 46.000.000đ *(bốn sáu triệu đồng)* sang tiền CNY (NDT), sau đó chuyển số tiền này cho người lái xe ở bên Trung Quốc, quá trình điều tra xác định: Do trước đây T và H đã quen nhau trên nhóm Wechat và có đổi tiền cho nhau rồi, nên có tài khoản TUB HAWJ của Vừ Mí H. T chưa gặp mặt H, không biết H là ai, ở đâu, Trinh cũng không biết mục đích của H đổi tiền và chuyển tiền làm gì, việc T nhận lời đổi tiền và chuyển tiền cho người Trung Quốc vào ngày 14/7/2021, là giúp H chứ không có mục đích gì khác. Sau khi đổi và chuyển tiền cho người Trung Quốc theo yêu cầu của H, còn lại 1.100CNY (NDT) không thấy H liên lạc để nhận lại, nên T đã đổi ra 4.100.000đ *(bốn triệu một trăm nghìn đồng)* và T đã giao nộp cho Cơ quan Điều tra. Đối với hành vi chuyển 11.500 CNY (NDT) cho đối tượng người Trung Quốc theo yêu cầu của Vừ Mí H, ngày 07/10/2021, Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh Hà Giang đã sao gửi các tài liệu có liên quan đến Công an huyện Q, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với Lục Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với Trần Thị H: Ngày 03/8/2021, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang đã Ủy thác điều tra cho Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bắc Ninh. Kết quả điều tra, xác minh như sau: Trước đây H có đi học đại học ở Trung Quốc và quen với Lục Thị T trên nhóm Wechat. Đến ngày 14/7/2021, T liên lạc nhờ H đổi giúp số tiền 46.000.000đ *(bốn mươi sáu triệu đồng)* sang CNY (NDT), H nhận lời và đổi được 12.600CNY (NDT), sau đó chuyển vào tài khoản Wechat của T, H chỉ biết là T nhờ đổi tiền cho một người khác, không biết mục đích là gì, cũng không biết Vừ Mí H là ai, ở đâu. Do vậy không có căn cứ xử lý Trần Thị H với vai trò đồng phạm trong việc tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép vào ngày 14/7/2021 là có căn cứ. Đối với hành vi đổi 46.000.000đ *(bốn mươi sáu triệu đồng)*, sang 12.600CNY (NDT) của H, ngày 07/10/2021, Cơ quan ANĐT, Công an tỉnh Hà Giang đã sao gửi các tài liệu có liên quan đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bắc Ninh, đề nghị phối hợp với các cơ quan chức năng xem xét, xử lý theo quy định là đúng pháp luật.

[13] Đối với Dương Văn C: Ngày 03/8/2021, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang đã Ủy thác điều tra cho Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đắk Lắk, hỗ trợ điều tra một số vấn đề có liên quan, kết quả làm rõ: Ngày 15/7/2021, C đã chuyển vào tài khoản xxxxxxxx của Vừ Mí H, số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*, tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra, xác minh và thời điểm hiện nay, Dương Văn C không có mặt tại địa phương, nên cơ quan An ninh điều tra đã tách hành vi của C và tiếp tục xác minh làm rõ nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật sẽ được xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với Sính Mí S: Tối ngày 14/7/2021, S nhận được điện thoại của Sùng Nỏ P *(P lấy chị họ của S)* vay 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*, nhưng S không đủ tiền nên chỉ cho P vay 46.000.000đ *(bốn sáu triệu đồng)*, sau đó P gửi số điện thoại của S cho Vừ Mí H liên lạc, rồi được H gửi hình ảnh 02 số tài khoản của TRAN THI H cho S, S chuyển tiền vào tài khoản của H theo yêu cầu của H. S không biết nội dung gì liên quan đến hành vi Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép, S cũng không biết H là ai, ở đâu. Do vậy xác định Sính Mí S không liên quan đến việc tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép vào ngày 15/7/2021 là có căn cứ.

[15] Đối với các đối tượng nhập cảnh Việt Nam trái phép: Quá trình điều tra vụ án xác định, khi đi Trung Quốc làm thuê, những người này đều không làm thủ tục xuất cảnh, không được sự cho phép của cơ quan chức năng, mục đích của những người này khi sang Trung Quốc là làm thuê kiếm tiền, không có mục đích gì khác. Đến ngày 14/7/2021, phía Trung Quốc thắt chặt quản lý đối với nhân công lao động tự do, nên đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam vào sáng ngày 15/7/2021 thì bị Đồn Biên phòng X phát hiện và đưa các đối tượng này đến cách ly tại khu cách ly dịch bệnh Covid 19 xã T, huyện M, đồng thời tiến hành điều tra, làm rõ. Kết quả các đối tượng đều khai báo như nội dung vụ án đã nêu trên. Đối với hành vi nhập cảnh trái phép của các công dân này, Đồn Biên phòng X, huyện M đã lập hồ sơ xử phạt hành chính đối với: Thào Mí T, Sùng Nỏ P, Lầu Thị M, Sùng Thị C, sau đó chuyển đến địa phương nơi cư trú đề nghị xử phạt theo quy định. Riêng đối với Sùng Mí C, sinh năm 2009 và Sùng Thị M , sinh năm 2019 *(là 02 con của Sùng Nỏ P)*, thời điểm phát hiện chưa đủ 14 tuổi, căn cứ Điều 5, Luật xử lý vi phạm Hành chính số 15/2012/QH13, của Quốc Hội, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang, không kiến nghị xử phạt hành chính đối với 02 trường hợp này là đúng quy định của pháp luật.

[16] Về vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng, cụ thể: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan ANĐT thu số tiền 4.100.000đ do Lục Thị T giao nộp từ việc đổi tiền 46.000.000đ Việt Nam sang tiền NDT giúp H để H chuyển cho người bên Trung Quốc; số tiền 30.000.000đ do anh Vừ Mí S là bố bị cáo Vừ Mí H giao nộp từ việc C chuyển cho H để H sử dụng vào việc Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội và thu lợi bất chính; 01 điện thoại di động VIVO bị cáo H sử dụng vào việc liên lạc để Tổ chức cho 06 người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép là các vật chứng trực tiếp liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Cơ quan ANĐT thu giữ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 071838, tên chủ xe Vừ Mí H, biển kiểm soát: 23B1 - 635.64; 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, biển kiểm soát: 23B1-63564, bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị giao cho bố đẻ của bị cáo là ông Vừ Mí S là người nhận.

[17] Về án phí: Bị cáo H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí; căn cứ Điều 136

Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

[18] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Vừ Mí H về tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội; về luận tội, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, xử lý vật chứng, án phí đối với bị cáo H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị từ 06 đến 07 năm tù đối với bị cáo H là cao, cần giảm nhẹ cho bị cáo.

[19] Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Vừ Mí H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo H dưới khung hình phạt không được Hội đồng xét xử chấp nhận với lý do: Tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự quy định *" Người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả"*; số tiền 30.000.000đ do ông Vừ Mí S, bố đẻ bị cáo H nộp giúp bị cáo không phải là tiền bồi thường hoặc khắc phục hậu quả mà là số tiền C chuyển vào tài khoản của bị cáo để trả nợ giúp P vay của bị cáo 5.000NDT tương đương số tiền 20.000.000đ H đã nhờ người chuyển cho người Trung Quốc để đưa 06 người đến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, là tiền bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội; còn lại 10.000.000đ là số tiền thu lợi bất chính của H được P nhờ C trả để đưa 06 người đến thị trấn Y, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự *" Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình điều tra giải quyết vụ án"* xét thấy, bị cáo H tổ chức cho 06 công dân nhập cảnh Việt Nam trái phép, sau đó bị cáo đưa 06 công dân đi từ thôn S, xã T, huyện M đến thị trấn Y, nhưng khi đi đến thôn T, xã T, huyện M thì bị Đồn Biên phòng X phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo H; do đó không thuộc trường hợp được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[20] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vừ Mí H phạm tội: "Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vừ Mí H 5 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vừ Mí H.

4. Về vật chứng:

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 34.100.000đ *(ba mươi tư triệu, một trăm nghìn đồng);*

+ 01 điện thoại di động (màn hình cảm ứng) mặt trước có nhiều vết xước, vỏ mặt sau màu xanh có chữ VIVO, điện thoại đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong điện thoại.

- Tuyên trả lại cho ông Vừ Mí S, trú tại: Thôn Chúng Mung, xã Thài Phìn Tủng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang:

+ 01 xe mô tô 02 bánh, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: EXCITER, màu sơn: Bạc đen, biển kiểm soát: 23B1-63564, số khung:RLCUG101LT319012, số máy: G3D4E1090051, xe đã qua sử dụng, không khởi động được, không kiểm tra chất lượng, tình trạng hoạt động bên trong của xe;

+ 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 071838, tên chủ xe Vừ Mí H, sinh năm 1996, địa chỉ: C, T, Đồng Văn, Hà Giang; biển kiểm soát: 23B1 - 635.64; số khung: 1010LY31902, số máy:G3D4E1090051, do công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 10/12/2020.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/11/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ Mí H.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PV06, PA09 - CA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thanh Loan